

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2017/QĐXX - ST ngày 03/7/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 56 ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N- Sinh năm: 1990 - Trú tại: Tổ 31A3 phường M, Quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T- Sinh năm: 1993 - Trú tại: Tổ 31A3 phường M, Quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, Quận S, Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng ngoại tình, anh T thường xuyên đánh đập chị nên vợ chồng từ đó mà cãi vã nhau hoài. Nay chị N xác định không còn yêu thương anh T nữa nên xin được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 13/8/2012. Nếu ly hôn chị N xin được nhận nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận với chị N về thời gian và điều kiện kết hôn, theo anh do anh có lỗi với vợ con nên anh hứa sẽ sửa chữa, khắc phục. Hiện nay anh T vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 13/8/2012. Do anh T không muốn ly hôn nên anh không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không đồng ý ly hôn nên anh không muốn Tòa án đề cập đến.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành, đồng thời cũng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét*

xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND phường M, Quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển số 01 ngày 21/03/2013, hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại tổ 31A3 phường M, Quận S, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống, theo chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình và thường xuyên đánh đập chị, ngoài ra, anh T không quan tâm gì đến gia đình nên vợ chồng từ đó mà cãi vã nhau. Còn anh T thừa nhận có lỗi với vợ con nên anh hứa sẽ sửa chữa, khắc phục. Hiện nay anh T vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Quan hệ hôn nhân của chị N và anh T tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Mặc dù sống chung trong một nhà nhưng phần ai nấy biết, không ai quan tâm đến ai. Anh T xin đoàn tụ nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa hai lần, HĐXX vẫn chưa thấy sự thiện chí của anh T về mối quan hệ hôn nhân đã bị rạn nứt cũng như anh thừa nhận mình có lỗi nhưng chưa đưa ra hướng giải quyết, thuyết phục chị N quay về. Qua điều tra xác minh thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do giữa hai bên không có sự tin tưởng, nghi ngờ nhau về tình cảm nên thường xuyên cãi vã nhau. Do vậy xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 13/8/2012. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh T không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng vì anh muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy vì lợi ích chung, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật giao con cho mẹ để tiếp tục nuôi phụng dưỡng con, quy định lợi ích tốt nhất của con, để bảo đảm các quyền lợi cho sự phát triển và hạnh phúc, bao gồm việc học hành và các quyền lợi cho sự phát triển tinh thần. Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Minh K đang ở cùng mẹ, xét không nên đảo lộn cuộc sống ổn định của cháu nên giao cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Minh K là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không xét đến.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Chị N xác nhận không có

Tuy nhiên không có ý kiến này của anh T về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này nếu các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, con chung" của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Ngọc T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Ngọc T nên giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển số 01 do UBND phường M, Quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 21/03/2013 cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Minh K, sinh ngày 13/8/2012 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng chị Nguyễn Thị N phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001658 ngày 10/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/7/2017. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận S;*
- *Chi cục THADS quận S;*
- *UBND phường M;*
- *Lưu hồ sơ,*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ BÉ